



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

il

tu

je

nous

il

elle

quoi

ils

vous

pourquoi

où

qui

quand

lequel

comment

vraiment

si

puis

pas

parce que

mais

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tous

ça

cette

ici

et

ou

droite
droite, droits, droites

gauche
gauche, gauches, gauches

là

la
matinée

la
après-midi
l'après-midi

maintenant

la
soirée

le
matin

la
nuit

la
heure
l'heure

minuit

midi

le
jour

la
seconde

la
minute

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

la
année
l'année

le
mois

la
semaine

demain

aujourd'hui

hier

mercredi

mardi

lundi

samedi

vendredi

jeudi

le
homme
l'homme

la
femme

dimanche

la
petite amie

le
petit ami

le
amour
l'amour

le
sexe

le
baiser

le
ami
l'ami

trẻ em

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

le
garçon

la
fille

le
enfant
l'enfant

la
mère

le
papa

la
maman

le
fils

les
parents

le
père

le
petit frère

la
petite sœur

la
fille

le
mari

le
grand frère

la
grande sœur

toujours

tous

la
femme

déjà

encore

en fait

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

plus

le plus

moins

à l'extérieur

très

aucun

près

loin

à l'intérieur

à côté de

au-dessus

dessous

tout le monde

arrière
arrière, arrières, arrières

avant
avante, avants, avantés

le
printemps

autre

ensemble

le
hiver
l'hiver

le
automne
l'automne

le
été
l'été

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

mars

février

janvier

juin

mai

avril

septembre

août

juillet

décembre

novembre

octobre

Sud

Est

Nord

immédiatement

souvent

Ouest

bien que

soudainement

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

deux

un

zéro

cinq

quatre

trois

huit

sept

six

onze

dix

neuf

quatorze

treize

douze

dix-sept

seize

quinze

vingt

dix-neuf

dix-huit

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

vingt-six

vingt-deux

vingt et un

trente-trois

trente et un

trente

quarante et un

quarante

trente-sept

cinquante

quarante-huit

quarante-quatre

cinquante-neuf

cinquante-cinq

cinquante et un

soixante-deux

soixante et un

soixante

soixante et onze

soixante-dix

soixante-six

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

quatre-vingts

soixante-dix-sept

soixante-treize

quatre-vingt-huit

quatre-vingt-quatre

quatre-vingt-un

quatre-vingt-quinze

quatre-vingt-onze

quatre-vingt-dix

cent un

cent

quatre-vingt-dix-neuf

cent cinquante et un

cent dix

cent cinq

deux cent six

deux cent deux

deux cents

trois cents

deux cent soixante-deux

deux cent vingt

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

trois cent trente

trois cent sept

trois cent trois

quatre cent quatre

quatre cents

trois cent soixante-treize

quatre cent quatre-vingt-
quatre

quatre cent quarante

quatre cent huit

cinq cent neuf

cinq cent cinq

cinq cents

six cents

cinq cent quatre-vingt-
quinze

cinq cent cinquante

six cent seize

six cent six

six cent un

sept cent deux

sept cents

six cent soixante

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

sept cent soixante-dix

sept cent vingt-sept

sept cent sept

huit cent huit

huit cent trois

huit cents

neuf cents

huit cent quatre-vingt

huit cent trente-huit

neuf cent quarante-neuf

neuf cent neuf

neuf cent quatre

mille un

mille

neuf cent quatre-vingt-dix

deux mille

mille deux cent trente-quatre

mille douze

deux mille trois cent
quarante-cinq

deux mille vingt-trois

deux mille deux

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

quatre mille

trois mille trois

trois mille

cinq mille six cent soixante-
dix-huit

cinq mille

quatre mille quarante-cinq

sept mille huit cent quatre-
vingt-dix

sept mille

six mille

neuf mille

huit mille neuf cent un

huit mille

dix mille un

dix mille

neuf mille quatre-vingt-dix

quarante-quatre mille

trente mille trois cents

vingt mille vingt

un million

cinq cent mille

cent mille

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

soixante-dix millions

dix millions

six millions

un milliard

huit cent millions

cent millions

vingt milliards

dix milliards

neuf milliards

mille milliards

trois cent milliards

cent milliards

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

venir

viens, être venu, venant

penser

pense, avoir pensé, pensant

savoir

sais, avoir su, sachant

trouver

trouve, avoir trouvé, trouvant

prendre

prends, avoir pris, prenant

mettre

mets, avoir mis, mettant

parler

parle, avoir parlé, parlant

travailler

travaille, avoir travaillé, travaillant

écouter

écoute, avoir écouté, écoutant

aider

aide, avoir aidé, aidant

apprécier

apprécie, avoir apprécié, appréciant

donner

donne, avoir donné, donnant

attendre

attends, avoir attendu, attendant

téléphoner à

téléphone, avoir téléphoné,
téléphonant

aimer

aime, avoir aimé, aimant

fermer

ferme, avoir fermé, fermant

s'asseoir

m'assois, s'être assis, s'asseyant

être debout

suis, avoir été, étant

gagner

gagne, avoir gagné, gagnant

perdre

perds, avoir perdu, perdant

ouvrir

ouvre, avoir ouvert, ouvrant

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

allumer

allume, avoir allumé, allumant

vivre

vis, avoir vécu, vivant

mourir

meurs, être mort, mourant

blesser

blesse, avoir blessé, blessant

tuer

tue, avoir tué, tuant

éteindre

éteins, avoir éteint, éteignant

boire

bois, avoir bu, buvant

regarder

regarde, avoir regardé, regardant

toucher

touche, avoir touché, touchant

rencontrer

rencontre, avoir rencontré,
rencontrant

marcher

marche, avoir marché, marchant

manger

mange, avoir mangé, mangeant

suivre

suis, avoir suivi, suivant

embrasser

embrasse, avoir embrassé,
embrassant

parier

parie, avoir parié, pariant

demander

demande, avoir demandé,
demandant

répondre

réponds, répondu, répondant

marier

marie, avoir marié, mariant

appuyer

appuie, avoir appuyé, appuyant

pousser

pousse, avoir poussé, poussant

tirer

tire, avoir tiré, tirant

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

se battre

me bats, s'être battu, se battant

attraper

attrape, avoir attrapé, attrapant

frapper

frappe, avoir frappé, frappant

lire

lis, avoir lu, lisant

courir

cours, avoir couru, courant

jeter

jette, avoir jeté, jetant

compter

compte, avoir compté, comptant

réparer

répare, avoir réparé, réparant

écrire

écris, avoir écrit, écrivant

acheter

achète, avoir acheté, achetant

vendre

vends, avoir vendu, vendant

couper

coupe, avoir coupé, coupant

rêver

rêve, avoir rêvé, rêvant

étudier

étudie, avoir étudié, étudiant

payer

paye, avoir payé, payant

célébrer

célébre, avoir célébré, célébrant

jouer

joue, avoir joué, jouant

dormir

dors, avoir dormi, dormant

tirer

tire, avoir tiré, tirant

nettoyer

nettoie, avoir nettoyé, nettoyant

jouir

jouis, avoir joui, jouissant

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

voler

vole, avoir volé, volant

attaquer

attaque, avoir attaqué, attaquant

défendre

défends, avoir défendu, défendant

voler

vole, avoir volé, volant

secourir

secours, avoir secouru, secourant

brûler

brûle, avoir brûlé, brûlant

mordre

mords, avoir mordu, mordant

frapper avec le pied

frappe, avoir frappé, frappant

cracher

crache, avoir craché, crachant

pleurer

pleure, avoir pleuré, pleurant

sentir

sens, avoir senti, sentant

respirer

respire, avoir respiré, respirant

rire

ris, avoir ri, riant

sourire

souris, avoir souri, souriant

chanter

chante, avoir chanté, chantant

se disputer

me dispute, s'être disputé, se disputant

rétrécir

rétrécis, avoir rétréci, rétrécissant

grandir

grandis, avoir grandi, grandissant

cacher

cache, avoir caché, cachant

alimenter

alimente, avoir alimenté, alimentant

partager

partage, avoir partagé, partageant

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

sauter

saute, avoir sauté, sautant

nager

nage, avoir nagé, nageant

avertir

avertis, avoir averti, avertissant

livrer

livre, avoir livré, livrant

creuser

creuse, avoir creusé, creusant

soulever

soulève, avoir soulevé, soulevant

voyager

voyage, avoir voyagé, voyageant

s'entraîner

m'entraîne, s'être entraîné,
s'entraînant

chercher

cherche, avoir cherché, cherchant

verrouiller

verrouille, avoir verrouillé,
verrouillant

ouvrir

ouvre, avoir ouvert, ouvrant

peindre

peins, avoir peint, peignant

cuire

cuis, avoir cuit, cuisant

prier

prie, avoir prié, priant

laver

lave, avoir lavé, lavant

citer

cite, avoir cité, citant

crier

crie, avoir crié, criant

vomir

vomis, avoir vomi, vomissant

gagner

gagne, avoir gagné, gagnant

calculer

calcule, avoir calculé, calculant

imprimer

imprime, avoir imprimé, imprimant

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

peu

vieux

vieille, vieux, vieilles

nouveau

nouvelle, nouveaux, nouvelles

correct

correcte, corrects, correctes

faux

fausse, faux, fausses

beaucoup

heureux

heureuse, heureux, heureuses

bon

bonne, bons, bonnes

mauvais

mauvaise, mauvais, mauvaises

petit

petite, petits, petites

long

longue, longs, longues

court

courte, courts, courtes

jeune

jeune, jeunes, jeunes

beau

belle, beaux, belles

grand

grande, grands, grandes

noir

noire, noirs, noires

blanc

blanche, blancs, blanches

vieux

vieille, vieux, vieilles

vert

verte, verts, vertes

bleu

bleue, bleus, bleues

rouge

rouge, rouges, rouges

màu vàng

chậm

nhANH

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

rapide

rapide, rapides, rapides

lent

lente, lents, lentes

jaune

jaune, jaunes, jaunes

juste

juste, justes, justes

injuste

injuste, injustes, injustes

drôle

drôle, drôles, drôles

riche

riche, riches, riches

facile

facile, faciles, faciles

difficile

difficile, difficiles, difficiles

faible

faible, faibles, faibles

fort

forte, forts, fortes

pauvre

pauvre, pauvres, pauvres

fier

fière, fiers, fières

fatigué

fatiguée, fatigués, fatiguées

sûr

sûre, sûrs, sûres

sain

saine, sains, saines

malade

malade, malades, malades

rassasié

rassasiée, rassasiés, rassasiées

haut

haute, hauts, hautes

bas

basse, bas, basses

furieux

furieuse, furieux, furieuses

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

doux

douce, doux, douces

aigre

aigre, aigres, aigres

sucré

sucrée, sucrés, sucrées

stupide

stupide, stupides, stupides

mignon

mignonne, mignons, mignonnes

dur

dure, durs, dures

grand

grande, grands, grandes

occupé

occupée, occupés, occupées

fou

folle, fous, folles

surpris

surprise, surpris, surprises

inquiet

inquiète, inquiets, inquiètes

petit

petite, petits, petites

intelligent

intelligente, intelligents, intelligentes

mauvais

mauvaise, mauvais, mauvaises

sage

sage, sages, sages

orange

orange

chaud

chaude, chauds, chaudes

froid

froide, froids, froides

rose

rose, roses, roses

brun

brune, bruns, brunes

gris

grise, gris, grises

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

léger

légère, légers, légères

lourd

lourde, lourds, lourdes

ennuyeux

ennuyeuse, ennuyeux, ennuyeuses

assoiffé

assoiffée, assoiffés, assoiffées

affamé

affamée, affamés, affamées

solitaire

solitaire, solitaires, solitaires

plat

plate, plats, plates

raide

raide, raides, raides

triste

triste, tristes, tristes

profond

profonde, profonds, profondes

large

large, larges, larges

étroit

étroite, étroits, étroites

sale

sale, sales, sales

énorme

énorme, énormes, énormes

peu profond

peu profonde, peu profonds, peu profondes

vide

vide, vides, vides

plein

pleine, pleins, pleines

propre

propre, propres, propres

sexy

sexy, sexys, sexys

pas cher

chère, chers, chères

cher

chère, chers, chères

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

généreux

généreuse, généreux, généreuses

courageux

courageuse, courageux, courageuses

paresseux

paresseuse, paresseux, paresseuses

bruyant

bruyante, bruyants, bruyantes

sec

sèche, secs, sèches

mouillé

mouillée, mouillés, mouillées

pluvieux

pluvieuse, pluvieux, pluvieuses

ensoleillé

ensoleillée, ensoleillés, ensoleillées

calme

calme, calmes, calmes

nuageux

nuageuse, nuageux, nuageuses

brumeux

brumeuse, brumeux, brumeuses

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

la
course à pied

le
tennis

la
gymnastique

le
football

le
golf

le
cyclisme

la
plongée

la
natation

le
basketball

le
triathlon

le
marathon

la
randonnée

la
boxe

la
haltérophilie
l'haltérophilie

le
tennis de table

le
snowboard

le
patinage artistique

le
badminton

le
hockey sur glace

le
ski de fond

le
ski

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

le
beach-volley

le
handball

le
volleyball

le
baseball

le
cricket

le
rugby

le
plongeon

le
water-polo

le
football américain

le
aviron
l'aviron

la
voile

le
surf

le
parachutisme

la
danse

le
yoga

le
bowling

le
poker

les
échecs

le
ballet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

le
cheval

la
vache

le
cochon

le
singe

le
mouton

le
chien

la
poule

le
ours
l'ours

le
chat

la
abeille
l'abeille

le
papillon

le
canard

le
serpent

la
araignée
l'araignée

le
poisson

le
lapin

la
souris

le
tigre

le
éléphant
l'éléphant

le
âne
l'âne

le
lion

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

le
moustique

le
coléoptère

le
pigeon

la
baleine

la
fourmi

la
mouche

le
escargot
l'escargot

le
dauphin

le
requin

le
ours polaire
l'ours polaire

le
panda

la
grenouille

le
kangourou

le
koala

le
loup

le
hippopotame
l'hippopotame

le
renard

la
girafe

le
cygne

le
corbeau

la
chauve-souris

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

le
manchot

le
hibou

la
mouette

la
libellule

la
chenille

le
perroquet

le
hippocampe
l'hippocampe

la
pieuvre

le
calamar

le
crabe

la
méduse

le
phoque

le
crocodile

la
tortue

le
dinosaur

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

la
Amérique
l'Amérique

la
Asie
l'Asie

le
Europe
l'Europe

la
Espagne
l'Espagne

le
Royaume-Uni

la
Afrique
l'Afrique

la
France

la
Italie
l'Italie

la
Suisse

le
Singapour

la
Thaïlande

la
Allemagne
l'Allemagne

le
Israël
l'Israël

le
Japon

la
Russie

les
États-Unis d'Amérique

la
Chine

la
Inde
l'Inde

le
Chili

le
Canada

le
Mexique

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

la
Afrique du Sud
l'Afrique du Sud

la
Argentine
l'Argentine

le
Brésil

la
Libye

le
Maroc

le
Nigeria

la
Égypte
l'Égypte

la
Algérie
l'Algérie

le
Kenya

la
Australie
l'Australie

la
Nouvelle-Zélande

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

le
cheveu

le
nez

la
tête

le
œil
l'œil

la
oreille
l'oreille

la
bouche

le
cœur

le
pied

la
main

les
fesses

le
cou

le
cerveau

la
cuisse

le
genou

la
épaule
l'épaule

le
sein

le
ventre

le
bras

la
langue

la
dent

le
dos

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

le
orteil
l'orteil

le
doigt

la
lèvre

le
foie

le
poumon

le
estomac
l'estomac

le
intestin
l'intestin

le
rein

le
nerf

la
joue

le
menton

le
front

le
petit doigt

le
pouce

la
barbe

le
index
l'index

le
médius

le
annulaire
l'annulaire

la
colonne vertébrale

le
talon

le
ongle
l'ongle

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

le
squelette

le
os
l'os

le
muscle

la
vessie

la
vertèbre

la
côte

le
vagin

la
artère
l'artère

la
veine

la
testicule

le
pénis

le
sperme

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

la
salle de bain

la
cuisine

la
porte

le
jardin

la
chambre à coucher

le
salon

le
sous-sol

le
mur

le
garage

le
toit

les
escaliers

les
toilettes

la
tasse

le
couteau

la
fenêtre

le
gobelet

la
assiette
l'assiette

le
verre

le
bureau

le
bol

la
poubelle

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

la
douche

le
miroir

le
lit

la
horloge
l'horloge

la
photographie

le
canapé

le
voisin

la
chaise

la
table

le
grenier

le
balcon

le
ascenseur
l'ascenseur

la
baguette

la
cuillère en bois

la
cheminée

la
fourchette

la
cuillère

les
couverts

la
poêle

la
casserole

la
louche

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

le
rideau

la
étagère à livres
l'étagère à livres

la
ampoule
l'ampoule

la
couverture

le
oreiller
l'oreiller

le
matelas

la
armoire
l'armoire

le
tiroir

la
étagère
l'étagère

la
balance

le
balai

le
seau

la
serviette de bain

la
baignoire

le
panier à linge

la
serviette

le
papier toilette

le
savon

la
boîte aux lettres

la
échelle
l'échelle

le
lavabo

hàng rào



la
clôture

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

le
lait

le
fromage

le
œuf
l'œuf

le
os
l'os

la
viande

le
poisson

le
sucre

le
pain

la
huile
l'huile

le
gâteau

le
bonbon

le
chocolat

le
thé

le
café

la
eau
l'eau

la
salade

le
vin

la
bière

le
petit déjeuner

le
dessert

la
soupe

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

la
pizza

le
dîner

le
déjeuner

le
yaourt

le
beurre

la
crème glacée

le
jambon

le
saumon

le
thon

la
dinde

la
saucisse

le
lard

le
porc

le
bœuf

le
poulet

le
champignon

la
citrouille

le
agneau
l'agneau

le
poireau

le
ail
l'ail

la
truffe

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

la
patate douce

la
aubergine
l'aubergine

le
gingembre

le
piment

le
concombre

la
carotte

la
pomme de terre

le
oignon
l'oignon

le
paprika

le
brocoli

le
chou

le
chou-fleur

le
bambou

les
épinards

la
laitue

le
pois

le
céleri

le
maïs

la
pomme

la
poire

le
haricot

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

la
date

la
figue

la
olive
l'olive

la
noisette

la
amande
l'amande

la
noix de coco

la
mangue

la
banane

la
cacahuète

le
ananas
l'ananas

le
avocat
l'avocat

le
kiwi

le
melon cantaloup

le
raisin

la
pastèque

la
fraise

la
myrtille

la
framboise

le
abricot
l'abricot

la
prune

la
cerise

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

le
pamplemousse

le
citron

la
pêche

la
menthe

la
tomate

la
orange
l'orange

la
vanille

la
cannelle

la
citronnelle

le
curry

le
poivre

le
sel

le
vinaigre

le
tofu

le
tabac

la
farine

le
lait de soja

la
nouille

le
blé

la
avoine
l'avoine

le
riz

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

le
miel

la
noix

le
soja

la
crêpe

le
chewing-gum

la
confiture

le
muffin

le
pudding

le
biscuit

le
jus d'orange

la
boisson énergétique

le
beignet

le
coca

le
milk-shake

le
jus de pomme

le
rhum

le
cocktail

le
chocolat chaud

le
menu

la
vodka

le
whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

le
sushi

les
spaghettis

les
fruits de mer

les
ailes de poulet

les
chips

le
pop-corn

la
mayonnaise

la
moutarde

la
frite

le
hot-dog

le
sandwich

la
sauce tomate

le
burger

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

les
devoirs

la
bibliothèque

le
livre

la
science

la
leçon

le
examen
l'examen

le
stylo

le
art
l'art

la
histoire
l'histoire

deuxième

premier

le
crayon

la
recherche

quatrième

troisième

le
dictionnaire

le
terrain de sport

le
degré universitaire

la
géométrie

le
cahier

le
semestre

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

la
économie
l'économie

la
philosophie

la
politique

les
mathématiques

la
biologie

la
éducation physique
l'éducation physique

la
chimie

la
littérature

la
géographie

la
gomme

la
règle

la
physique

la
colle

le
ruban adhésif

les
ciseaux

trois pour cent

le
trombone

le
stylo à bille

le
mètre cube

zéro pour cent

cent pour cent

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

le
mètre

le
mile

le
mètre carré

le
décimètre

le
centimètre

le
millimètre

la
multiplication

la
soustraction

la
addition
l'addition

le
volume

la
aire
l'aire

la
division

le
triangle

le
carré

le
rectangle

le
millilitre

le
litre

le
cercle

le
gramme

le
kilo

la
tonne

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

le
entonnoir
l'entonnoir

le
microscope

le
aimant
l'aimant

le
cours magistrale

le
laboratoire

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

le
diamant

le
feu

la
cendre

la
étoile
l'étoile

le
soleil

la
lune

le
lac

la
côte

la
planète

la
colline

le
désert

la
forêt

la
vallée

la
rivière

le
rocher

le
océan
l'océan

la
île
l'île

la
montagne

la
neige

la
glace

la
mer

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

le
vent

la
pluie

la
tempête

la
rose

la
herbe
l'herbe

le
arbre
l'arbre

la
terre

le
métal

la
fleur

le
sable

le
charbon

la
lave

le
satellite

la
fusée

la
argile
l'argile

le
continent

le
astéroïde
l'astéroïde

la
galaxie

le
pôle Nord

le
pôle Sud

le
équateur
l'équateur

sưởi

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

la
grotte

la
forêt tropicale

le
ruisseau

le
glacier

le
rivage

la
cascade

le
volcan

le
cratère

le
tremblement de terre

le
brouillard

la
inondation
l'inondation

la
atmosphère
l'atmosphère

la
foudre

le
tonnerre

le
arc-en-ciel
l'arc-en-ciel

le
typhon

la
température

le
orage
l'orage

la
branche

le
nuage

le
ouragan
l'ouragan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

le
tronc

la
racine

la
feuille

le
dioxyde de carbone

le
plastique

la
graine

le
oxygène
l'oxygène

le
fer

le
atome
l'atome

le
argent
l'argent

le
or
l'or

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

le
train

le
bus

la
voiture

le
avion
l'avion

le
arrêt de bus
l'arrêt de bus

la
gare

le
vélo

le
camion

le
navire

le
feu

le
taxi

la
moto

la
batterie

la
route

le
parking

le
volant

le
airbag
l'airbag

le
moteur

le
coffre

le
pneu

la
ceinture de sécurité

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

le
métro

le
guichet

le
distributeur de tickets

le
tram

la
locomotive

le
train à grande vitesse (TGV)

le
aéroport
l'aéroport

le
minibus

le
autobus scolaire
l'autobus scolaire

la
première classe

le
hélicoptère
l'hélicoptère

la
compagnie aérienne

le
gilet de sauvetage

la
classe affaires

la
classe économique

le
paquebot de croisière

le
sous-marin

le
conteneur

le
traversier

le
yacht

le
porte-conteneurs

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

le
radar

le
canot de sauvetage

le
port

la
station essence

le
trottoir

le
éclairage public
l'éclairage public

le
embouteillage
l'embouteillage

le
passage piétons

le
chantier de construction

la
pelleteuse

le
tank

la
autoroute
l'autoroute

le
scooter

la
remorque

le
tracteur

le
téléphérique

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

la
maison

la
école
l'école

le
hôpital
l'hôpital

le
supermarché

le
marché

la
facture

la
ferme

la
université
l'université

le
appartement
l'appartement

le
bar

le
restaurant

la
église
l'église

les
toilettes

le
parc

le
centre de fitness

la
police

la
ambulance
l'ambulance

la
carte

la
banlieue

le
pays

les
pompiers

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

le
centre commercial

la
garantie

le
village

le
château

le
gratte-ciel

la
pharmacie

le
temple

la
synagogue

la
ambassade
l'ambassade

la
mairie

la
mosquée

la
usine
l'usine

la
boîte de nuit

la
fontaine

le
bureau de poste

le
stade de football

le
terrain de golf

le
banc

la
office du tourisme
l'office du tourisme

le
terrain de tennis

la
piscine

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồng cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

le
musée

la
galerie d'art

le
casino

le
aquarium
l'aquarium

le
souvenir

le
parc national

le
parc aquatique

les
montagnes russes

le
toboggan aquatique

la
sortie de secours

la
aire de jeu
l'aire de jeu

le
zoo

le
poste de police

le
extincteur
l'extincteur

la
alarme incendie
l'alarme incendie

la
capital

la
région

le
état
l'état

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

la
opération

le
patient

le
accident
l'accident

la
toux

la
fièvre

la
pilule

la
salle d'attente

les
soins intensifs

le
service d'urgence

la
date d'expiration

le
somnifère

le
aspirine
l'aspirine

le
effet secondaire
l'effet secondaire

le
sirop contre la toux

le
dosage

la
capsule

la
poudre

la
insuline
l'insuline

les
antibiotiques

le
analgésique
l'analgésique

la
vitamine

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

la
crise cardiaque

le
virus

la
bactérie

le
accident vasculaire cérébral
(AVC)
l'accident vasculaire cérébral (AVC)

le
diabète

la
diarrhée

la
grippe

le
cancer

le
asthme
l'asthme

le
mal de gorge

le
coup de soleil

le
mal de dents

la
allergie
l'allergie

la
infection
l'infection

le
mal au ventre

la
seringue

le
mal de tête

la
crampe

le
appareil à ultrasons
l'appareil à ultrasons

la
radiographie

la
béquille

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

le
plâtre

le
fauteuil roulant

le
pansement

la
urgence
l'urgence

la
blessure

le
pouls

la
fracture

la
brûlure

la
commotion cérébrale

le
test de grossesse

la
pilule contraceptive

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

le
policier

la
infirmière
l'infirmière

le
médecin

le
détective

le
capitaine

le
président

le
professeur

le
professeur

le
pilote

le
assistant
l'assistant

la
secrétaire

le
avocat
l'avocat

le
cuisinier

le
supérieur

le
juge

le
mannequin

le
chauffeur

le
chauffeur de taxi

le
pharmacien

le
premier ministre

le
artiste
l'artiste

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

le
entrepreneur
l'entrepreneur

le
dentiste

le
pompier

la
hôtesse
l'hôtesse

le
programmeur

le
politicien

le
architecte
l'architecte

la
enseignante à la maternelle
l'enseignante à la maternelle

le
scientifique

le
procureur

le
consultant

le
comptable

le
propriétaire

le
garde du corps

le
directeur général

le
soldat

le
agent de sécurité
l'agent de sécurité

le
serveur

le
plombier

le
agent d'entretien
l'agent d'entretien

le
pêcheur

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

le
réceptionniste

le
agriculteur
l'agriculteur

le
électricien
l'électricien

le
coiffeur

le
caissier

le
facteur

le
photographe

le
journaliste

le
auteur
l'auteur

le
musicien

le
chanteur

le
maître nageur

le
entraîneur
l'entraîneur

le
journaliste

le
acteur
l'acteur

le
arbitre
l'arbitre

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

le
stress

le
bureau

le
argent
l'argent

le
département

le
personnel

la
assurance
l'assurance

la
lettre

la
adresse
l'adresse

le
salaire

la
adresse e-mail
l'adresse e-mail

la
URL
l'URL

le
numéro de téléphone

la
signature

le
e-mail
l'e-mail

le
site internet

le
client

le
profit

la
perte

le
mot de passe

la
carte de crédit

le
montant

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

la
salle de réunion

le
impôt
l'impôt

le
distributeur de billets

les
ressources humaines

le
service informatique

la
carte de visite

le
marketing

la
comptabilité

le
service juridique

le
employeur
l'employeur

le
collègue

les
ventes

la
présentation

la
note

le
employé
l'employé

le
rétroprojecteur

le
timbre

le
classeur

la
enveloppe
l'enveloppe

le
timbre

le
colis

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

la
bourse des valeurs

le
investissement
l'investissement

le
navigateur

les
intérêts

la
pièce de monnaie

le
billet

le
compte bancaire

le
numéro de compte

le
prêt

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

le
appareil photo
l'appareil photo

le
poste de télévision

le
téléphone

le
climatiseur

le
ventilateur

la
radio

le
aspirateur
l'aspirateur

le
grille-pain

la
cafetière

le
lave-vaisselle

la
bouilloire

le
sèche-cheveux

le
micro-onde

le
four

la
cuisinière

la
télécommande

la
machine à laver

le
réfrigérateur

le
clavier

la
souris

le
écouteur
l'écouteur

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

le
scanner

la
clé USB

le
disque dur

le
ordinateur portable
l'ordinateur portable

le
écran
l'écran

la
imprimante
l'imprimante

le
haut-parleur

le
robot